

Bản án số: 76/2023/HSST

Ngày: 27/11/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Quang Tình
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoà
Bà Nguyễn Thị Thanh
- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị An, thư ký TAND huyện Nghĩa Đàn.
- Đại diện VKSND huyện Nghĩa Đàn tham gia phiên tòa: Ông Hồ Diên Khoa
- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2023, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2023/HSST- QĐXX ngày 15 tháng 11 năm 2023 đối với :

Bị cáo: Lê Thị H; tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ

Sinh ngày 01 tháng 02 năm 1985

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thổ; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N our, tỉnh Nghệ an.

Con ông: Lê Đình L; Con bà: Lê Thị S

Chồng: Lê Khắc N; Có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tháng 4/2021, bị TAND huyện N xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2023, hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện N.

Người bị hại:

1, Ông Lương Văn T, sinh năm 1977 (có mặt)

2, Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 (có mặt)

Đều trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

Người có quyền nghĩa vụ liên quan:

1, Ông Lê Khắc N, sinh năm 1977 (có mặt)

2, Ông Lê Văn S, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An
3, Anh Lê Đình T5, sinh năm 2005 (có mặt)
4, Chị Lê Thị N1, sinh năm 2002 (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm M, xã T, huyện N, Nghệ An.
5, Anh Cao Trung K, sinh năm 1995 (có mặt)
6, Chị Trần Thị Lợi, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Đều trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An
7, Anh Hồ Trọng Bảo, sinh năm 1998 (có mặt)
Trú tại: Xóm Bình T3, xã B, huyện N, tỉnh Nghệ An
8, Chị Nguyễn Thị T6, sinh năm 1993 (vắng mặt)
A or Trú tại: Xóm T, xã N, huyện N, Nghệ An
9, Bà Phạm Thị H3, sinh năm 1966 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đ, xã N, huyện N, Nghệ An
10, Ông Vi Văn P, sinh năm 1968 (có mặt)
Trú tại: Xóm B, xã B, huyện N, Nghệ An
11, Ông Lê Võ T4, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Trú tại: Xóm L, xã N, huyện N, Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 8/2022, Lê Thị H biết gần nhà H có một lô keo của gia đình anh Vi Văn P đã đến kỳ khai thác nên nảy sinh ý định lừa anh Lương Văn T là người đi thu mua keo bán để lấy tiền tiêu xài. Lê Thị H gọi điện cho anh Lương Văn T và nói gia đình H có lô keo muốn bán nên nói anh T đến xem thì anh T đã đồng ý. Khi gặp, H đưa anh T đến xem lô keo của anh Vi Văn P và nói của gia đình H bán với giá 75.000.000 đồng. H yêu cầu anh T đặt cọc tiền trước và sau đó H đưa ra nhiều lý do để yêu cầu anh T chuyển thêm tiền nhiều lần, tổng cộng là 70.000.000 đồng. H lấy lý do đường vào lô keo làm chưa xong và nhiều lý do khác để hoãn việc anh Lương Văn T vào khai thác keo.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 10/2022, Lê Thị H nói dối anh Lương Văn T, có chị L1 Thị H2, ở xóm Xiu, xã L, huyện N là bà con họ hàng với H có lô keo đến kỳ khai thác muốn bán. Sau đó H đã sử dụng 01 sim Mobiphone khác giả danh chị H2 gọi điện cho anh T nói có 03 hecta keo ở xã L, huyện N, muốn bán để lấy tiền chữa bệnh cho mẹ. H giả danh chị H2 lấy lý do mẹ đang ốm điều trị ngoài Hà Nội chưa về được để đưa anh T đi xem lô keo nên nói anh T chuyển tiền trước cho H2 vay. Anh T đồng ý cho H2 vay 15.000.000 đồng và H lấy danh nghĩa chị H2 nói đưa tiền cho H để H chuyển cho chị H2. Sau khi nhận được 15.000.000 đồng, H tiếp tục gọi điện giả danh chị H2 liên lạc với anh T và chị Nguyễn Thị H1 (vợ anh T) kể hoàn cảnh khó khăn và nói cho vay thêm tiền để chữa bệnh cho mẹ khi nào

về sẽ trừ tiền vào tiền bán keo. Sau đó anh T đã trực tiếp đưa thêm cho H 17.000.000 đồng. Ngoài ra anh T và chị H1 còn chuyển thêm nhiều lần tiền qua các tài khoản người quen của H nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng. Đối với lô keo này, Lê Thị H đã lừa chiếm đoạt của vợ chồng anh T chị H1 70.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 10 ngày sau khi lừa bán cho anh T 03 hecta keo lấy 70.000.000 đồng, Lê Thị H biết tại xóm L, xã N, huyện N có lô keo, của gia đình anh Lê Võ K đến kỳ khai thác. H giới thiệu cho anh T có một người tên là Lê Thị L1, gốc ở xã L, huyện N, nay lấy chồng về xóm T, xã N, huyện N có lô keo muốn bán. Sau đó H giả danh chị Lê Thị L1 fifth dùng một số điện thoại khác gọi điện cho anh T với nội dung có lô keo tại xóm L, xã N, huyện N, muốn bán. Anh T hỏi lý do bán keo thì H giả danh chị Lê Thị L1 nói do mua xe máy trả góp cần bán keo để trả tiền mua xe máy. Anh T yêu cầu có sự đồng ý bán của cả vợ chồng mới mua. H dùng số sim lạ giả danh chị L1 gọi điện thoại cho anh T rồi đưa cho Lê Đình T5 (là cháu ruột của H), nhờ giả danh chồng chị L1 nghe máy và nói theo hướng dẫn của H là chồng chị L1, do đang làm ăn xa nên đồng ý cho vợ bán lô keo. T5 nói giúp theo H hướng dẫn nhưng không biết H nhờ nói để lừa chiếm đoạt tài sản của anh T. H giả danh chị L1 nói với anh T là đang đi làm ăn ở Đà Nẵng nên nhờ chị H dẫn anh T đi xem. Sau đó H gặp anh T và dẫn anh T đến xem lô keo của anh Lê Võ Kỳ ở xóm L, xã N, huyện N. Sau khi xem xong thì anh T gọi lại số điện thoại mà H giả danh chị L1 và thống nhất mua lô keo với giá 37.500.000 đồng, đặt cọc trước 15.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào vào cắt keo sẽ trả. Lê Thị H giả danh chị Lương gọi điện thoại nói anh T đưa tiền đặt cọc cho H để H chuyển cho chị L1. Sau đó nhiều lần H giả danh chị L1 gọi điện thoại cho vợ chồng anh T chị H1 nói gia đình có việc nên yêu cầu chuyển thêm tiền mua keo thì vợ chồng anh T, chị H1 đã chuyển vào các tài khoản mà H đã nhờ của một số người quen. Tổng số tiền H chiếm đoạt bán lô keo này là 37.500.000 đồng. H tiếp tục giả danh chị L1 nói với anh T nhà mẹ đẻ có lô sản khoảng 1hecta ở xã L, huyện N, hôm sau về sẽ đưa anh T đi xem thì anh T đồng ý. Sau đó thì H giả danh chị L1 nói với anh T mới gây tai nạn giao thông ở Đà Nẵng và phải đền tiền cho họ nên mượn của anh T 14.000.000 đồng để trả cho họ thì anh T đồng ý. H giả danh chị L1 nói với anh T đưa tiền cho H để H chuyển cho chị L1. Như vậy, Lô keo và 1hecta sản mà H lấy danh nghĩa chị Lê Thị L1 bán cho anh Lương Văn T thì H đã chiếm đoạt số tiền của anh T là 51.500.000đồng.

Lần thứ 4: Cùng thời điểm Lê Thị H giả danh chị L1 lừa đảo chiếm đoạt tiền của vợ chồng anh T chị H1, H nói với anh T, gia đình có lô keo ở xóm T, xã N, huyện N còn nhỏ nhưng cũng muốn bán. Lê Thị H dẫn anh T đi xem lô keo của anh Lê Văn S mà H đã nói với anh T là lô keo của gia đình H. Anh T xem lô keo thống nhất mua với giá 25.000.000 đồng. Lê Thị H yêu cầu anh T đặt cọc 15.000.000 đồng cho H thì anh T đồng ý và chuyển số tiền đó vào tài khoản ngân hàng BIDV của Lê

Thị N1. Sau đó H tiếp tục lấy nhiều lý do và yêu cầu anh T chuyển thêm tiền cho H tổng cộng 25.000.000 đồng.

Tổng số tiền Lê Thị H lừa chiếm đoạt của vợ chồng anh Lương Văn T chị Nguyễn Thị H1 là 216.500.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N số 81 ngày 13 tháng 11 năm 2023 đã truy tố bị cáo Lê Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Lê Thị H đã khai nhận diễn biến toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu.

Tại phiên tòa, vợ chồng anh Lương Văn T và chị Nguyễn Thị H1 trình bày bị H lừa bán cây keo chiếm đoạt nhiều lần tổng cộng 216.500.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nay yêu cầu H phải chịu trách nhiệm bồi thường.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, phân tích đánh giá tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ của bị cáo và đề nghị hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm a khoản 3 điều 174, điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điểm g, h điều 52, điều 38, điều 56 BLHS.

Xử phạt: Lê Thị H từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 9 tháng bản án số 12/2021/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện nghĩa Đàn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

Về vật chứng chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo đã dùng vào việc phạm tội nên tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hoạt động tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai có khiếu nại hoặc ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án về thời gian diễn biến nội dung sự việc. Có căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến tháng 12/2022, Lê Thị H đã có hành vi gian dối giả danh chủ tài sản các

lô cây keo, cây sắn lừa bán cho vợ chồng anh Lương Văn T, chị Nguyễn Thị H1 lấy 216.500.000 đồng tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của Lê Thị H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng của viện kiểm sát đã truy tố là đúng pháp luật.

[3] Trong vụ án này Lê Đình T5 được bị cáo H nhờ nghe điện thoại nói theo hướng dẫn của nhưng không biết mục đích phạm tội của bị cáo nên không bị xử lý là đúng pháp luật.

[4] Vụ án rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và tâm lý hoang mang lo lắng trong nhân dân. Nhân thân bị cáo tháng 4 năm 2021 đã bị Toà án xử phạt tù cho hưởng án treo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đang trong thời gian thử thách không chịu cải tạo giáo dục làm ăn lương thiện lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật nên cần xử lý nghiêm.

[5] Bị cáo phạm tội có tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; có tình tiết tăng nặng là tái phạm, phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 và điểm g, h khoản 1 điều 52 BLHS.

[6] Căn cứ tính chất vụ án, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo và việc đấu tranh phòng chống loại tội phạm này ở địa phương, cần cách ly bị cáo ngoài xã hội một thời gian mức như kiểm sát viên đã đề nghị tại phiên toà và tổng hợp với hình phạt 9 tháng tù bản án số 12/2021/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện nghĩa Đàn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án.

[7] Về vật chứng vụ án: Chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo Lê Thị H dùng vào việc phạm tội nên tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ nhận định trên xác định bị cáo Lê Thị H lừa đảo chiếm đoạt của vợ chồng anh L1 Anh T chị Nguyễn Thị H1 216.500.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Nay anh T chị H1 yêu cầu bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường nên chấp nhận.

[9]. Về án phí : Bị cáo H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52, điểm a khoản 1 điều 55, điều 56 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Tổng hợp với hình phạt 9 (chín) tháng tù bản án số 12/2021/HSST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện nghĩa Đàn, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho hai bản án là 8 (tám) năm 3 (ba) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ tạm giam 02/6/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS, điều 585, điều 589 BLDS

Buộc bị cáo Lê Thị H phải chịu trách nhiệm bồi thường cho vợ chồng anh L1 Anh T chị Nguyễn Thị H1 số tiền bị cáo chiếm đoạt là 216.500.000 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, khoản tiền bồi thường chưa thi hành hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn do ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với từng thời gian chưa thi hành án.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ điều 47 BLHS; điều 106 BLTTHS

Tịch thu hoá giá sung công quỹ Nhà nước 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo màu xanh thu giữ của bị cáo Lê Thị H dùng vào việc phạm tội. (Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an với Chi cục Thi hành án huyện N ngày 13 tháng 11 năm 2023)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Buộc bị cáo Lê Thị H phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 10.825.000đ (mười triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng án phí dân sự sơ thẩm

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKS. N
- THA. N
- Bị cáo, bị hại
- Lưu HS – VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lý Quang Tình